TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2022
V/v Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoằng

Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 09, thị trấn C T, huyện Đ C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Hẻm 765 T C, Tổ 02, phường C L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-10-2021, lời khai trong hồ sơ nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2011, anh Trần Văn D đến Đức Cơ làm nghề thầu xây dựng nhận của các hộ dân trọn gói giao chìa khóa. Lúc đó, anh D đến nhà bà hỏi mua vật liệu thì thống nhất giá cả và bà bán vật liệu cho anh D. Sau thời gian mua bán anh D có ứng tiền trả cho bà, cứ như vậy nhà này qua nhà khác và đến cuối năm 2011 là các công trình anh D nhận đã hoàn thiện thì bà và anh D hai bên tính sổ, chốt sổ và ký kết trong sổ của bà. Số tiền anh D nợ bà là 302.086.000đồng, sau khi chốt sổ, anh D cam kết số nợ này

bắt đầu tính tiền lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng từ ngày 20-01-2012, tuy nhiên anh D cố tình trốn tránh không trả nợ bà như đã cam kết. Đến tháng 6 năm 2020, anh D trả cho bà được số tiền 3.000.000đồng, từ đó đến nay không trả cho bà nữa, mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Tại Bản án số 37/2021/DSST ngày 16-6-2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã buộc anh Trần Văn D phải trả cho bà số tiền là 299.000.000 đồng nợ gốc. Đến nay Bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng anh D vẫn không trả nợ cho bà. Ngày 09-8-2021, bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với Bản án nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Việc anh Trần Văn D kéo dài thời gian trả nợ đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả cho bà số tiền lãi của 299.086.000 đồng nợ gốc với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 20-01-2012 đến ngày 09-8-2021 (ngày bà làm đơn yêu cầu thi hành án), cụ thể số tiền là 260.503.906 đồng.

Tại phiên tòa bà yêu cầu bị đơn trả cho bà tiền lãi của số tiền gốc là 299.000.000 đồng với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 20-01-2012 đến ngày 09-8-2021, cụ thể số tiền là 299.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 3484 ngày = 260.429.000 đồng. Bà không đồng ý với yêu cầu của bị đơn xin bà không trả số tiền này hoặc trả dần vì không có khả năng, trên thực tế bị đơn hiện có hai căn nhà nên có khả năng trả nợ cho bà. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Năm 2011, anh có đến Đức Cơ làm nghề xây dựng làm nhà cho các hộ dân, anh có mua vật liệu xây dựng của bà Phạm Thị T. Đến cuối năm 2011, anh có chốt sổ nợ với bà Phạm Thị T và ghi nợ là 302.086.000đồng. Đến tháng 6 năm 2020, anh có chuyển khoản trả cho bà T số tiền 3.000.000đồng, số tiền lại anh chưa trả được do kinh tế của anh đang gặp khó khăn.

Tại Bản án số 37/2021/DSST ngày 16-6-2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã buộc anh trả cho bà Phạm Thị T số tiền 299.000.000 đồng, trước đó giữa anh và bà T thống nhất bà T sẽ cho anh trả dần số tiền nợ gốc trên mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng sau đó bà T đã thay đổi ý kiến và buộc anh trả một lần, tuy nhiên anh đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả được cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 260.503.906 đồng là tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc thì anh không có khả năng trả nên xin bà T không tính lãi của số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa anh D thừa nhận có viết giấy cam kết sẽ trả khoản nợ lãi trên số tiền nợ gốc cho bà T theo mức lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng, nay bà T yêu cầu anh trả số tiền lãi 260.429.000 đồng trên nợ gốc thì anh xin bà T cho anh không trả số tiền này hoặc cho anh trả dần vì hiện tại anh không có khả năng, hơn nữa số tiền nợ gốc giữa anh và bà T chưa rõ ràng. Ngoài ra anh không có ý kiến nào khác để trình bày.

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ các Điều 274, 275, 276 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với anh Trần Văn D.

Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Anh Trần Văn D cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho khởi kiện của mình là Bản án đã có hiệu lực pháp luật, giấy nhận nợ có nội dung thỏa thuận về việc trả lãi được bị đơn thừa nhận nên đúng sự thật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa bà Phạm Thị T và anh Trần Văn D có mua bán vật liệu với nhau, anh D lấy vật liệu của bà T và còn nợ lại bà T số tiền 302.086.000đồng anh D cam kết số nợ này bắt đầu tính tiền lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng từ ngày 20-01-2012, sau đó anh D có trả cho bà T được số tiền 3.000.000đồng, số tiền còn lại anh D không trả cho bà. Tại Bản án số 37/2021/DSST ngày 16-6-2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã buộc anh Trần Văn D phải trả cho bà số tiền là 299.000.000 đồng nợ gốc, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 09-8-2021, bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với Bản án nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả cho bà số tiền lãi của 299.086.000 đồng nợ gốc với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 20-01-2012 đến ngày 09-8-2021 cụ thể số tiền là 260.503.906 đồng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu anh D trả số tiền lãi trên số nợ gốc là 299.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 20-01-2012 đến ngày 09-8-2021 số tiền là 260.429.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng theo quy định tại Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, bị đơn anh Trần Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bị đơn bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh D thừa nhận có nợ tiền gốc và

tiền lãi phát sinh theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Thu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, việc bị đơn xin không trả số tiền trên hoặc trả dần vì hiện nay không có khả năng, số nợ gốc giữa nguyên đơn và bị đơn chưa rõ ràng không được nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh D trả cho bà Phạm Thị T số tiền 260.429.000 đồng tiền nợ lãi.

[4] Về tiền án phí:

Cần buộc bị đơn anh Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39,70,72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T

Buộc anh Trần Văn D phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 260.429.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng)* tiền nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc anh Trần Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 13.021.450 đồng *(Mười ba triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)* sung quỹ Nhà nước.

Bà Phạm Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.512.598 đồng *(Sáu triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi tám đồng)* theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000876, ngày 14-10-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm